

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĨNH LINH
TỈNH QUẢNG TRỊ**

Bản án số: 12/2020/HS-ST
Ngày 17/6/2020

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH LINH, TỈNH QUẢNG TRỊ**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Hoàng Văn Chung**

Các Hội thẩm nhân dân: + Ông **Hồ Ngọc Ánh**

+ Ông **Trần Văn Thanh**.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Võ Thị Cúc Phương** – Thư ký Toà án của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Linh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Linh tham gia phiên tòa: Bà **Hoàng Thị Minh Thùy**- Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Vĩnh Linh, tỉnh Quảng Trị, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 14/2020/TLST - HS ngày 21 tháng 4 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2020/QĐXXST - HS ngày 03 tháng 6 năm 2020 đối với các bị cáo:

1. Phạm Đức A - sinh năm 1993, tại quận Hai Bà Trưng, Hà Nội;

Nơi cư trú: số 56 Nguyễn Du, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội; Tạm trú: Thôn 1 Thanh Mỹ, xã Thanh Thủy, huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Trình độ văn hoá: 6/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông Phạm Đình Th - sinh năm 1972 (Đã chết) con bà Nguyễn Thị X - sinh năm 1973; Vợ: chưa có, sống chung như vợ chồng với Huỳnh Xuân H; Con: có 01 con, sinh năm 2019.

Tiền án, tiền sự: Không

Bị cáo hiện đang bị tạm giam ở một vụ án khác tại Trại tạm giam Công an tỉnh Quảng Bình từ ngày 10/10/2019.

2. Văn Thế C - sinh ngày 23/01/1997, tại Thanh Hóa;

Nơi cư trú: Tổ 29, phường Bồ Đề, quận Long Biên, thành phố Hà Nội; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Trình độ văn hoá: 7/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông Văn Tiến L - sinh năm 1968, con bà Phạm Thị Thùy Ch - sinh năm 1977 (Đã chết); Vợ, con: Chưa có;

Tiền án: Không;

Tiền sự: Ngày 4/10/2017 bị Công an quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội xử phạt hành chính về hành vi xâm hại sức khỏe của người khác với mức phạt 3.000.000 đồng; chưa chấp hành.

Nhân thân: Ngày 17/10/2012 bị Công an quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội xử phạt hành chính về hành vi tàng trữ trái phép vũ khí thô sơ mà không có giấy phép với hình thức phạt Cảnh cáo.

Ngày 15/9/2016, bị Công an quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội xử phạt vi phạm hành chính về hành vi xâm hại sức khỏe của người khác với mức phạt 2.500.000 đồng; chưa chấp hành nhưng đã hết thời hiệu.

Bị cáo hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ - Công an huyện Lệ Thủy,

tỉnh Quảng Bình từ ngày 01/4/2020.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Anh **Trần Quốc H**, sinh năm 1984.

Trú tại: Thôn Đ D, xã V H, Vĩnh Linh Quảng Trị. Vắng mặt.

2. Chị **Lê Thị H**, sinh năm 1987

Trú tại: Khu phố L Đ, thị trấn H X, Vĩnh Linh, Quảng Trị. Vắng mặt.

3. Chị **Đinh Thị H** - sinh năm 1979.

4. Chị **Trương Thị Hoa S** -sinh năm 1973.

5. Chị **Hồ Diệu Linh** - sinh năm 1986.

6. Chị **Phạm Thị Kim Th** - sinh năm 1983.

Đều trú tại : Khu phố 8, thị trấn HX, Vĩnh Linh, Quảng Trị. Đều vắng mặt.

7. Chị **Lê Thị Thúy V** - sinh năm 1975.

Trú tại: Khu phố PhTh, thị trấn H X, Vĩnh Linh, Quảng Trị. Vắng mặt.

8. Chị **Trần Thị Thúy H** - sinh năm 1984.

Trú tại: Khu phố Ch H, thị trấn H X, Vĩnh Linh, Quảng Trị. Vắng mặt.

9. Anh **Hoàng Minh A** - sinh năm 1979.

Trú tại: Khu phố 3, thị trấn H X, Vĩnh Linh, Quảng Trị. Vắng mặt.

10. Chị **Phan Thị H** - sinh năm 1968. Có mặt.

11. Chị **Trần Thị H** - sinh năm 1985. Vắng mặt.

12. Anh **Nguyễn Văn D** - sinh năm 1970. Có mặt.

Đều trú tại: Thôn T L, xã VL, Vĩnh Linh, Quảng Trị.

13. Chị **Trần Thị É** - sinh năm 1972.

Trú tại: Khu phố H Ph, thị trấn HX, Vĩnh Linh, Quảng Trị. Vắng mặt.

14. Chị **Nguyễn Thị T** - sinh năm 1966,

Trú tại: Thôn T 3, xã V T, Vĩnh Linh, Quảng Trị. Vắng mặt.

15. Chị **Lê Thị T** - sinh năm 1978.

Trú tại: A H 2, thị trấn C T, Vĩnh Linh, Quảng Trị. Vắng mặt.

16. Anh **Trần Thế D** - sinh năm 1990.

Trú tại: Khu phố 9, thị trấn HX, Vĩnh Linh, Quảng Trị. Vắng mặt.

17. Chị **Lê Thị Kh** - sinh năm 1969.

Trú tại: Thôn SB, xã VL, Vĩnh Linh, Quảng Trị. Vắng mặt.

18. Chị **Nguyễn Thị Tt** - sinh năm 1983

Trú tại: Thôn Q X, V L, Vĩnh Linh, Quảng Trị. Vắng mặt.

18. Anh **Nguyễn Văn T** - sinh năm 1982.

Trú tại: Thôn Phúc Lâm, xã Vĩnh Long, Vĩnh Linh, Quảng Trị. Vắng mặt.

19. Anh **Lê Hữu Q** - sinh năm 1976.

Trú tại: Thôn Th T, xã V T, Vĩnh Linh, Quảng Trị. Vắng mặt.

20. Anh **Nguyễn T** - sinh năm 1984

Trú tại: Khu phố A D N 2, TT C T, Vĩnh Linh, Quảng Trị. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong khoảng thời gian từ tháng 6/2019 đến ngày 05/10/2019, Phạm Đức A và Văn Thế C thuê trọ tại Thôn 1, Thanh Mỹ, xã Thanh Thủy, huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình để thực hiện hoạt động cho vay lãi nặng ở các địa bàn huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình và huyện Vĩnh Linh, tỉnh Quảng Trị. Theo thỏa thuận, Văn Thế C làm thuê cho

Phạm Đức A với mức lương 3.000.000 đồng/tháng và được bao ăn ở, đi lại. A đã mua 01 sim điện thoại số 0967639051; in mẫu tờ rơi quảng cáo với nội dung “Cho vay tiền cần: CMT + Hộ khẩu photô 0967639051”, photô thành nhiều bản rồi cùng Công phát tán trên các trục đường chính của thị trấn Hồ Xá và chợ Hồ Xá, huyện Vĩnh Linh. Khi người có nhu cầu vay tiền liên lạc, Văn Thế C trực tiếp gặp mặt, tự giới thiệu mình tên là L và thỏa thuận thống nhất về số tiền cho vay trong khoảng từ 3.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng, nhưng không làm hợp đồng vay tài sản mà thông qua hình thức hợp đồng mua bán điện thoại trả góp để tránh việc xử lý của cơ quan chức năng. Trên cơ sở hướng dẫn từ trước của Phạm Đức A và nhu cầu của người vay, C đưa ra mức phí dịch vụ giao động từ 300.000 đồng đến 2.500.000 đồng; tiền lãi từ 900.000 đồng đến 2.750.000 đồng; kỳ hạn trả góp trong vòng 26 ngày đến 51 ngày; khoản tiền gốc, lãi và phí dịch vụ phải đóng hằng ngày cho đến khi hết hạn từ 150.000 đồng/ngày đến 450.000 đồng/ngày; rồi hướng dẫn người vay tiền điền các thông tin, ký tên hoặc điểm chỉ vào mẫu hợp đồng mua bán điện thoại mà A đã chuẩn bị sẵn; hoặc hướng dẫn cho người vay tự viết giấy mua bán. Nhằm bảo đảm việc trả tiền, C giữ lại một số giấy tờ của người vay như: bản gốc hoặc bản photô chứng minh nhân dân, sổ hộ khẩu hoặc các loại giấy tờ khác đưa về cho Anh cất giữ, theo dõi cùng các hợp đồng. Sau khi cho vay tiền, hằng ngày C sẽ tự mình hoặc cùng với A trực tiếp đến nhà người vay hoặc điện thoại đến điểm hẹn trước để thu tiền góp. Tại địa bàn huyện Vĩnh Linh, từ ngày 06/7/2019 đến ngày 05/10/2019, Phạm Đức A và Văn Thế C đã cho 20 người trên địa bàn huyện Vĩnh Linh vay tiền theo 27 hợp đồng mua bán điện thoại dưới hình thức vay trả góp, với tổng số tiền mà những người vay thực nhận là 216.200.000 đồng; mức lãi suất giao động từ 182,5% /năm đến 623,9% /năm, cao gấp 9,1 lần đến 31,1 lần so với mức lãi suất cao nhất (20% năm) theo quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự; đã thu lợi bất chính 57.492.170 đồng. Cụ thể như sau:

1. Anh **Trần Quốc H** - sinh năm: 1984, trú tại thôn ĐĐ, xã V H, Vĩnh Linh, Quảng Trị:

Ngày 06/7/2019, anh H vay số tiền 5.000.000 đồng, thỏa thuận trả góp trong 32 ngày, mỗi ngày trả góp 200.000 đồng. Khi đưa tiền, Công thu 500.000 đồng tiền phí dịch vụ nên thực tế anh H chỉ nhận được 4.500.000 đồng. Tiền lời khoản vay là 1.900.000 đồng, tương đương với mức lãi suất là: 481,597%/năm. Anh H đã trả góp đủ 32 ngày với số tiền 6.400.000 đồng. Như vậy tiền lãi hợp pháp mà Phạm Đức A cùng đồng phạm được hưởng là 78.904 đồng và thu lợi bất chính số tiền **1.821.096 đồng**.

Ngày 27/8/2019, anh H vay lần thứ 2 với số tiền 10.000.000 đồng, thỏa thuận trả góp trong 42 ngày, mỗi ngày trả góp 300.000 đồng. Khi đưa tiền, C thu 1.000.000 đồng tiền phí dịch vụ nên thực tế anh H chỉ nhận được 9.000.000 đồng. Tiền lời khoản vay là 3.600.000 đồng, tương đương với mức lãi suất là: 347,619%/năm. Anh H đã trả góp đủ 42 ngày với số tiền 12.600.000 đồng. Như vậy tiền lãi hợp pháp mà Phạm Đức A cùng đồng phạm được hưởng là 207.123 đồng và thu lợi bất chính số tiền **3.392.877 đồng**.

Như vậy, qua 02 lần giao dịch đã hoàn thành với anh H, Phạm Đức A và Văn Thế C thu lợi bất chính số tiền là **5.213.973 đồng**.

2. Chị **Lê Thị H** - sinh năm 1987, trú tại khu phố L Đ, thị trấn HX, Vĩnh Linh, Quảng Trị:

Ngày 08/7/2019, chị H vay số tiền 10.000.000 đồng, thỏa thuận trả góp trong 41 ngày, mỗi ngày trả góp 300.000 đồng. Khi đưa tiền, C thu 1.000.000 đồng tiền phí dịch vụ nên thực tế chị H chỉ nhận được 9.000.000 đồng. Tiền lời khoản vay này là: 3.300.000 đồng tương đương với mức lãi suất: 326,423%/năm. Chị H đã trả góp đủ 41

ngày với số tiền 6.300.000 đồng. Như vậy tiền lãi hợp pháp mà Phạm Đức A cùng đồng phạm được hưởng là 202.192 đồng và thu lợi bất chính số tiền **3.097.808 đồng**.

3. Chị **Đinh Thị H** - sinh năm 1979, trú tại: Khu phố 8, thị trấn H X, huyện Vĩnh Linh, tỉnh Quảng Trị:

Ngày 07/08/2019, chị H vay với số tiền 10.000.000 đồng, thỏa thuận trả góp trong 41 ngày, mỗi ngày trả góp 300.000 đồng. Khi đưa tiền, C thu 1.000.000 đồng tiền phí dịch vụ nên thực tế chị H chỉ nhận được 9.000.000 đồng. Tiền lời khoản vay là 3.300.000 đồng, tương đương với mức lãi suất là: 326,423%/năm. Chị H trả góp được 18 ngày với số tiền: 5.400.000 đồng. Tiền lãi thu được là 1.448.780 đồng, trong đó tiền lãi hợp pháp mà Phạm Đức A cùng đồng phạm được hưởng là: 88.767 đồng và thu lợi bất chính số tiền **1.360.013 đồng**; chị H còn nợ 5.048.780 đồng tiền gốc.

4. Anh **Lê Hữu Q** - sinh năm 1976 trú tại thôn ThT, xã V T, Vĩnh Linh, Quảng Trị:

Ngày 13/7/2019, anh Q vay số tiền 10.000.000 đồng, thỏa thuận trả góp trong 42 ngày, mỗi ngày trả góp 300.000 đồng. Khi đưa tiền, C thu 1.000.000 đồng tiền phí dịch vụ nên thực tế anh Q chỉ nhận được 9.000.000 đồng. Tiền lời khoản vay là 3.600.000 đồng, tương đương với mức lãi suất là: 347,619%/năm. Anh Q đã trả góp đủ 42 ngày với số tiền 12.600.000 đồng. Như vậy tiền lãi hợp pháp mà Phạm Đức A cùng đồng phạm được hưởng là 207.123 đồng và thu lợi bất chính số tiền **3.392.877 đồng**.

5. Chị **Trương Thị Hoa S** - sinh năm 1973; trú tại Khu phố 8, thị trấn H X, Vĩnh Linh, Quảng Trị:

Ngày 15/7/2019, chị S vay số tiền 10.000.000 đồng, thỏa thuận trả góp trong 42 ngày, mỗi ngày trả góp 300.000 đồng. Khi đưa tiền, C thu 1.000.000 đồng tiền phí dịch vụ nên thực tế chị S chỉ nhận được 9.000.000 đồng. Tiền lời khoản vay là 3.600.000 đồng, tương đương với mức lãi suất là: 347,619%/năm. Chị S đã trả đủ 42 ngày với số tiền 12.600.000 đồng. Như vậy tiền lãi hợp pháp mà Phạm Đức A cùng đồng phạm được hưởng là: 207.123 đồng và thu lợi bất chính số tiền **3.392.877 đồng**.

6. Chị **Lê Thị Thúy V** - sinh năm 1975, trú tại khu phố PhTh, thị trấn HX, Vĩnh Linh, Quảng Trị:

Ngày 17/07/2019, chị V vay với số tiền 10.000.000 đồng, thỏa thuận trả góp trong 42 ngày, mỗi ngày trả góp 300.000 đồng. Khi đưa tiền, C thu 1.000.000 đồng tiền phí dịch vụ nên thực tế chị V chỉ nhận được 9.000.000 đồng. Tiền lời khoản vay này là 3.600.000 đồng, tương đương với mức lãi suất là: 347,619%/năm. Chị V đã trả góp đủ 42 ngày với số tiền: 12.600.000 đồng. Như vậy tiền lãi hợp pháp mà Phạm Đức A cùng đồng phạm được hưởng là: 207.123 đồng và thu lợi bất chính số tiền **3.392.877 đồng**.

7. Chị **Trần Thị Thúy H** - sinh năm 1984, trú tại khu phố Ch H, thị trấn Hồ Xá, Vĩnh Linh, Quảng Trị:

Ngày 20/7/2019, chị H vay số tiền 10.000.000 đồng với thỏa thuận trả góp trong 42 ngày, mỗi ngày trả góp 300.000 đồng. Khi đưa tiền, C thu 1.000.000 đồng tiền phí dịch vụ nên thực tế chị H chỉ nhận được 9.000.000 đồng. Tiền lời khoản vay này là 3.600.000 đồng, tương đương với mức lãi suất là: 347,619%/năm. Chị H đã trả đủ 42 ngày với số tiền 12.600.000 đồng. Như vậy tiền lãi hợp pháp mà Phạm Đức A cùng đồng phạm được hưởng là: 207.123 đồng và thu lợi bất chính số tiền **3.392.877 đồng**.

8. Chị **Trần Thị É** - sinh năm 1972, trú tại khu phố HPh, thị trấn Hồ Xá, Vĩnh Linh, Quảng Trị:

Ngày 22/7/2019, chị É vay số tiền 15.000.000 đồng với thỏa thuận trả góp trong 42 ngày, mỗi ngày trả góp 450.000 đồng. Tiền lời khoản vay là 3.900.000 đồng, tương

đương với mức lãi suất là: 225,952%/năm. Chị É đã trả đủ 42 ngày với số tiền 18.900.000 đồng. Như vậy tiền lãi hợp pháp mà Phạm Đức Acùng đồng phạm được hưởng là: 345.205 đồng và thu lợi bất chính số tiền **3.554.795** đồng.

9. Chị **Phan Thị H** - sinh năm: 1968 trú tại thôn T L, xã VL, Vĩnh Linh, Quảng Trị:

Ngày 30/7/2019, chị H sử dụng chứng minh nhân dân, sổ hộ khẩu của mình vay số tiền 10.000.000 đồng với thỏa thuận trả góp trong 42 ngày, mỗi ngày trả góp 300.000 đồng. Khi đưa tiền, C thu 1.000.000 đồng tiền phí dịch vụ nên thực tế chị H chỉ nhận được 9.000.000 đồng. Tiền lời khoản vay là 3.600.000 đồng, tương đương với mức lãi suất là: 347,619%/năm. Chị H đã trả đủ 42 ngày với số tiền 12.600.000 đồng. Như vậy tiền lãi hợp pháp mà Phạm Đức A cùng đồng phạm được hưởng là: 207.123 đồng và thu lợi bất chính số tiền **3.392.877** đồng.

Ngày 08/8/2019, chị Phan Thị H sử dụng chứng minh nhân dân và sổ hộ khẩu của con gái là **Trần Thị H** - sinh năm: 1985, trú tại thôn TL, xã VL, Vĩnh Linh, Quảng Trị vay số tiền 15.000.000 đồng với thỏa thuận trả góp trong 42 ngày, mỗi ngày trả góp 450.000 đồng. Tiền lời khoản vay là 3.900.000 đồng, tương đương với mức lãi suất là: 225,952%/năm. Chị H đã trả đủ 42 ngày với số tiền 18.900.000 đồng. Như vậy tiền lãi hợp pháp mà Phạm Đức Acùng đồng phạm được hưởng là: 345.205 đồng và thu lợi bất chính số tiền **3.554.795** đồng.

Ngày 19/8/2019, chị Phan Thị H sử dụng bản photo chứng minh nhân dân, sổ hộ khẩu của con rể là **Nguyễn T** - sinh năm: 1984, trú tại khu phố A D N 2, thị trấn Cửa Tùng, Vĩnh Linh, Quảng Trị vay số tiền 5.000.000 đồng với thỏa thuận trả góp trong 42 ngày, mỗi ngày trả góp 150.000 đồng. Khi đưa tiền, C thu 500.000 đồng tiền phí dịch vụ nên thực tế chị H chỉ nhận được 4.500.000 đồng. Tiền lời khoản vay là 1.800.000 đồng, tương đương với mức lãi suất là: 347,619%/năm. Chị H đã trả góp đủ 42 ngày với số tiền 6.300.000 đồng. Như vậy tiền lãi hợp pháp mà Phạm Đức Acùng đồng phạm được hưởng là: 103.562 đồng và thu lợi bất chính số tiền **1.696.438** đồng.

Ngày 25/08/2019, chị Phan Thị H sử dụng giấy chứng minh nhân dân của chồng là **Nguyễn Văn D** - sinh năm 1970, trú tại Th Tân L, xã VL, Vĩnh Linh, Quảng Trị vay số tiền 5.000.000 đồng với thỏa thuận trả góp trong 42 ngày, mỗi ngày trả góp 150.000 đồng. Khi đưa tiền, C thu 500.000 đồng tiền phí dịch vụ nên thực tế chị H chỉ nhận được 4.500.000 đồng. Tiền lời khoản vay là 1.800.000 đồng, tương đương với mức lãi suất là: 347,619%/năm. Chị H trả góp được 42 ngày với số tiền: 6.300.000 đồng. Như vậy tiền lãi hợp pháp mà Phạm Đức Acùng đồng phạm được hưởng là: 103.562 đồng và thu lợi bất chính số tiền **1.696.438** đồng.

Qua 04 lần giao dịch, Phạm Đức A và Văn Thế C thu lợi bất chính từ chị H số tiền **10.340.548** đồng.

10. Chị **Nguyễn Thị T** - sinh năm 1966, trú tại thôn T 3, xã VT, Vĩnh Linh, Quảng Trị:

Ngày 02/8/2019, chị T vay số tiền 15.000.000 đồng với thỏa thuận trả góp trong 42 ngày, mỗi ngày trả góp 450.000 đồng. Tiền lời khoản vay là 3.900.000 đồng, tương đương với mức lãi suất là: 225,952%/năm. Chị T đã trả góp đủ 42 ngày với số tiền 18.900.000 đồng. Như vậy tiền lãi hợp pháp mà Phạm Đức A cùng đồng phạm được hưởng là: 345.205 đồng và thu lợi bất chính số tiền **3.554.795** đồng.

11. Chị **Hồ Diệu L** - sinh năm: 1986, trú tại khu phố 8, thị trấn HX, Vĩnh Linh, Quảng Trị:

Ngày 06/8/2019, chị L vay số tiền 10.000.000 đồng với thỏa thuận trả góp trong 42

ngày, mỗi ngày trả góp 300.000 đồng. Khi đưa tiền, C thu 1.000.000 đồng tiền phí dịch vụ nên thực tế chị L chỉ nhận được 9.000.000 đồng. Tiền lời khoản vay là 3.600.000 đồng, tương đương với mức lãi suất là: 347,619%/năm. Chị L đã trả góp đủ 42 ngày với số tiền 12.600.000 đồng. Như vậy tiền lãi hợp pháp mà Phạm Đức A cùng đồng phạm được hưởng là: 207.123 đồng và thu lợi bất chính số tiền **3.392.877** đồng.

Ngày 31/8/2019, chị L vay lần 2 với số tiền 10.000.000 đồng với thỏa thuận trả góp trong 51 ngày, mỗi ngày trả góp 250.000 đồng. Khi đưa tiền, C thu 1.000.000 đồng tiền phí dịch vụ nên thực tế chị L chỉ nhận được 9.000.000 đồng. Tiền lời khoản vay là 3.750.000 đồng, tương đương với mức lãi suất là: 298,203%/năm. Chị L đã trả góp được 18 ngày với số tiền: 4.500.000 đồng. Như vậy tiền lãi thu được là 1.323.529 đồng, trong đó tiền lãi hợp pháp mà Phạm Đức A cùng đồng phạm được hưởng là: 88.767 đồng và thu lợi bất chính số tiền **1.234.762** đồng

Như vậy, qua 02 lần giao dịch, Phạm Đức A và Văn Thế C thu lợi bất chính từ chị Linh số tiền **4.627.639** đồng, Chị L còn nợ 5.823.529 đồng tiền gốc.

12. Anh **Hoàng Minh A** - sinh năm: 1979, trú tại Khu phố 3, thị trấn H X, Vĩnh Linh, Quảng Trị:

Ngày 20/8/2019, anh A vay số tiền 10.000.000 đồng với thỏa thuận trả góp trong 42 ngày, mỗi ngày trả góp 300.000 đồng. Khi đưa tiền, C thu 1.000.000 đồng tiền phí dịch vụ nên thực tế Hoàng Minh A chỉ nhận được 9.000.000 đồng. Tiền lời khoản vay là 3.600.000 đồng, tương đương với mức lãi suất là: 347,619%/năm. Hoàng Minh A đã trả góp đủ 42 ngày với số tiền 12.600.000 đồng. Như vậy tiền lãi hợp pháp mà Phạm Đức A cùng đồng phạm được hưởng là: 207.123 đồng và thu lợi bất chính số tiền **3.392.877** đồng.

13. Chị **Phạm Thị Kim Th** - sinh năm: 1983, trú tại Khu phố 8, thị trấn H X, Vĩnh Linh, Quảng Trị:

Ngày 20/8/2019, chị Th vay số tiền 20.000.000 đồng với thỏa thuận trả góp trong 50 ngày, mỗi ngày trả góp 500.000 đồng. Tiền lời khoản vay là 2.500.000 đồng, phí dịch vụ là 2.500.000 đồng; tương đương với mức lãi suất là: 182,5%/năm. Chị Th đã trả góp đủ 50 ngày với số tiền 25.000.000 đồng. Như vậy tiền lãi hợp pháp mà Phạm Đức A cùng đồng phạm được hưởng là: 547.945 đồng và thu lợi bất chính số tiền **4.452.055** đồng.

14. Chị **Lê Thị Tt** - sinh năm: 1978, trú tại khu phố A H 2, thị trấn C T, Vĩnh Linh, Quảng Trị:

Ngày 13/9/2019, chị Tt vay với số tiền 10.000.000 đồng với thỏa thuận trả góp trong 42 ngày, mỗi ngày trả góp 300.000 đồng. Khi đưa tiền, C thu 1.000.000 đồng tiền phí dịch vụ nên thực tế chị T chỉ nhận được 9.000.000 đồng. Tiền lời khoản vay là 3.600.000 đồng, tương đương với mức lãi suất là: 347,619%/năm. Chị T đã trả góp được 24 ngày với số tiền: 7.200.000 đồng. Như vậy tiền lãi thu được là 2.057.143 đồng, trong đó tiền lãi hợp pháp mà Phạm Đức A cùng đồng phạm được hưởng là: 118.356 đồng và thu lợi bất chính số tiền **1.938.787** đồng.

Ngày 16/9/2019, chị Tt vay số tiền 10.000.000 đồng, thỏa thuận trả góp trong 42 ngày, mỗi ngày trả góp 300.000 đồng. Khi đưa tiền, C thu 1.000.000 đồng tiền phí dịch vụ nên thực tế chị T chỉ nhận được 9.000.000 đồng. Tiền lời khoản vay là 3.600.000 đồng, tương đương với mức lãi suất là: 347,619%/năm. Chị T đã trả góp được 17 ngày với số tiền: 5.100.000 đồng. Như vậy tiền lãi thu được là 1.457.143 đồng, trong đó tiền lãi hợp pháp mà Phạm Đức A cùng đồng phạm được hưởng là: 83.836 đồng và thu lợi bất chính số tiền **1.373.307** đồng.

Như vậy, qua 02 lần giao dịch, Phạm Đức A và Văn Thế C thu lợi bất chính từ chị T **3.312.094** đồng; chị T còn nợ 9.214.286 đồng tiền gốc.

15. Anh **Trần Thế D** - sinh năm: 1990, trú tại Khu phố 9, thị trấn H X, Vĩnh Linh, Quảng Trị:

Ngày 22/9/2019, anh D vay với số tiền 5.000.000 đồng với thỏa thuận trả góp trong 42 ngày, mỗi ngày trả góp 150.000 đồng. Khi đưa tiền, C thu 500.000 đồng tiền phí dịch vụ nên thực tế anh D chỉ nhận được 4.500.000 đồng. Tiền lời khoản vay là 1.800.000 đồng, tương đương với mức lãi suất là: 347,619%/năm. Anh D đã trả góp được 12 ngày với số tiền: 1.800.000 đồng. Tiền lãi thu được là 514.286 đồng, trong đó tiền lãi hợp pháp mà Phạm Đức A cùng đồng phạm được hưởng là: 29.589 đồng và thu lợi bất chính số tiền **484.697** đồng. Như vậy giao dịch này chưa hoàn thành và anh D còn nợ 3.214.286 đồng tiền gốc.

16. Chị **Lê Thị Khn** - sinh năm: 1969, trú tại thôn S B, xã V L, Vĩnh Linh, Quảng Trị:

Ngày 24/09/2019, chị Kh vay với số tiền 5.000.000 đồng với thỏa thuận trả góp trong 42 ngày, mỗi ngày trả góp 150.000 đồng. Khi đưa tiền, C thu 500.000 đồng tiền phí dịch vụ nên thực tế chị Kh chỉ nhận được 4.500.000 đồng. Tiền lời khoản vay là 1.800.000 đồng, tương đương với mức lãi suất là: 347,619%/năm. Chị Kh đã trả góp được 08 ngày với số tiền: 1.200.000 đồng. Tiền lãi thu được là 342.857 đồng, trong đó tiền lãi hợp pháp mà Phạm Đức A cùng đồng phạm được hưởng là 19.726 đồng và thu lợi bất chính số tiền **323.131** đồng. Như vậy giao dịch này chưa hoàn thành và chị Kh còn nợ: 3.642.857 đồng tiền gốc.

17. Chị **Nguyễn Thị Tt** - sinh năm: 1983, trú tại thôn Qg X, V L, Vĩnh Linh, Quảng Trị:

Ngày 24/09/2019, chị T vay số tiền 3.000.000 đồng với thỏa thuận trả góp trong 26 ngày, mỗi ngày trả góp 150.000 đồng. Khi đưa tiền, C thu 300.000 đồng tiền phí dịch vụ nên thực tế chị T chỉ nhận được 2.700.000 đồng. Tiền lời khoản vay là 1.200.000 đồng, tương đương với mức lãi suất là: 623.932%/năm. Chị Tt đã trả góp được 01 ngày với số tiền: 150.000 đồng, tiền lãi thu được là 46.154 đồng. Tiền lãi hợp pháp mà Phạm Đức A cùng đồng phạm được hưởng là: 1.479 đồng và thu lợi bất chính số tiền **44.674** đồng. Như vậy giao dịch này chưa hoàn thành và chị T còn nợ 2.596.154 đồng tiền gốc.

18. Anh **Nguyễn Văn T** - sinh năm: 1982, trú tại thôn Ph L, xã V L, Vĩnh Linh, Quảng Trị:

Ngày 05/10/2019, anh T vay với số tiền 10.000.000 đồng với thỏa thuận trả góp trong 42 ngày, mỗi ngày trả góp 300.000 đồng. Khi đưa tiền, C thu 1.000.000 đồng tiền phí dịch vụ nên thực tế anh T chỉ nhận được 9.000.000 đồng. Tiền lời khoản vay là 3.600.000 đồng, tương đương với mức lãi suất là: 347,619%/năm. Anh T đã trả góp được 02 ngày với số tiền: 600.000 đồng, tiền lãi thu được là: 171.429 đồng. Tiền lãi hợp pháp mà Phạm Đức A cùng đồng phạm được hưởng là: 9.863 đồng và thu lợi bất chính số tiền **161.566** đồng. Như vậy giao dịch này chưa hoàn thành và anh T còn nợ 8.571.429 đồng tiền gốc.

Tại bản Cáo trạng số 12/CT - VKS ngày 20/4/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Linh đã truy tố các bị cáo Phạm Đức A và Văn Thế C về tội “*Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự*” theo quy định tại khoản 1, Điều 201 BLHS 2015.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên giữ quyền công tố sau khi tranh luận vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố các bị cáo về tội “*Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự*” đồng thời đề nghị HĐXX: Áp dụng khoản 1 Điều 201; điểm i, s khoản 1 Điều 51 BLHS xử phạt bị

cáo

Phạm Đức A hình phạt Cải tạo không giam giữ từ **18** tháng đến **24** tháng.

Áp dụng khoản 1 Điều 201; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS xử phạt bị cáo Văn Thế C hình phạt Cải tạo không giam giữ từ **12** tháng đến **15** tháng.

Các bị cáo là lao động tự do, không có thu nhập ổn định nên không áp dụng việc khấu trừ thu nhập. Giao các bị cáo cho UBND cấp xã nơi các bị cáo cư trú để giám sát, giáo dục.

+ Về hình phạt bổ sung:

Áp dụng khoản 2 Điều 35, khoản 3 Điều 201 BLHS xử phạt bị cáo Phạm Đức A hình phạt tiền từ **30.000.000** đồng đến **35.000.000** đồng.

Bị cáo Văn Thế C đã nộp đầy đủ các khoản tiền thu được từ người vay cho Phạm Đức A, chưa được hưởng bất cứ khoản lợi nào nên không áp dụng hình phạt bổ sung.

+ Về xử lý vật chứng: Áp dụng điều 47, 48 BLHS, Điều 106 BLTTHS:

+ Tịch thu tiêu hủy: 01 (một) quyển sổ bìa nhiều màu sắc, kích thước 17cm x 24cm, bên trong có 22 tờ giấy có chữ số, chữ viết, có chữ ký xác nhận của Phạm Đức Anh (là vật chứng vụ án không còn giá trị sử dụng).

+ Trả lại:

- 01 (một) sổ hộ khẩu số 510217702 mang tên chủ hộ Nguyễn Thị T cho anh Nguyễn Văn T (Phúc Lâm, xã Vĩnh Long, Vĩnh Linh, Quảng Trị).

- 01 (một) sổ hộ khẩu số 510195815 mang tên chủ hộ Trần Thị H; 01 (một) giấy chứng minh nhân dân số 197162259 mang tên Trần Thị H cho chị Trần Thị H (Cây Sy, Vĩnh Long, Vĩnh Linh, Quảng Trị)

- 01 (một) sổ hộ khẩu số 510160813 mang tên chủ hộ Nguyễn Văn D và 01 (một) giấy chứng minh nhân dân số 197080709 mang tên Nguyễn Văn D cho ông Nguyễn Văn Dg (Cây Si, Vĩnh Long, Vĩnh Linh, Quảng Trị)

- 01 (một) giấy chứng minh nhân dân số 190884868 mang tên Phan Thị H cho bà Phan Thị H (Cây Si, Vĩnh Long, Vĩnh Linh, Quảng Trị)

- 01 (một) sổ hộ khẩu số 510204032 mang tên chủ hộ là Lê Thị Kh và (một) giấy chứng minh nhân dân số 191179288 mang tên Lê Thị Kh (Sa Bắc, Vĩnh Long, Vĩnh Linh, Quảng Trị)

- 01 (một) sổ hộ khẩu số 510020804 mang tên chủ hộ Trần Thị É cho bà Trần Thị É (khu phố 8, thị trấn Hồ Xá, Vĩnh Linh, Quảng Trị)

- 01 (một) sổ hộ khẩu số 510044294 mang tên chủ hộ Lê Thị T và 01 (một) giấy chứng minh nhân dân số đã bị mờ mang tên Lê Thị Tt cho chị Lê Thị T (An Hòa 2, thị trấn Cửa Tùng, Vĩnh Linh, Quảng Trị).

- 01 (một) giấy chứng minh nhân dân số 197248414 mang tên Trần Thế Dg; 01 (một) sổ hộ khẩu số 510216647, mang tên chủ hộ Trần Thị H cho anh Trần Thế D (Khóm Hải Tinh, thị trấn Hồ Xá, Vĩnh Linh, Quảng Trị).

- 01 (một) thẻ hội viên hội nông dân Việt Nam mang tên Lê Hữu Q cho anh Lê Hữu Q (Thủy Tú 2, Vĩnh Tú, Vĩnh Linh, Quảng Trị).

- 01 (một) hợp đồng bảo hiểm nhân thọ PRUDENTIAL, mang tên Nguyễn Thị Tt cho chị Nguyễn Thị T (thôn Tây 3, Vĩnh Tú, Vĩnh Linh, Quảng Trị).

- 01 (một) giấy phép lái xe số 451096000737 do Sở GTVT Quảng Trị cấp ngày 30/06/2016, mang tên Trần Thị Thúy L cho chị Trần Thị Thúy L (xã Vĩnh Hòa, huyện Vĩnh Linh, tỉnh Quảng Trị).

* Đối với các vật chứng đang lưu theo hồ sơ vụ án: Trả lại:

- 01 hợp đồng lao động và 01 quyết định về việc xếp ngạch và điều chỉnh lương

cho anh Nguyễn Văn T (thôn Phúc Lâm, Vĩnh Long, Vĩnh Linh, Quảng Trị).

- 01 bản photo bản photo sổ hộ khẩu và 01 bản photo chứng minh nhân dân mang tên Nguyễn Tứ cho anh Nguyễn T (An Du Nam 2, thị trấn Cửa Tùng, Vĩnh Linh, Quảng Trị).

- 01 bản photo chứng minh nhân dân mang tên Nguyễn Thị T và 01 bản photo Giấy chứng nhận hộ nghèo, hộ cần nghèo mang tên hộ Đinh Viết Th cho chị Nguyễn Thị T (Quảng Xá, Vĩnh Lâm, Vĩnh Linh, Quảng Trị).

+ 10 (mười) tờ giấy cho vay tiền, nội dung trên giấy “Cho vay tiền cần: CMT+ Hộ khẩu phôtô 0976639051”; 27 hợp đồng vay, các giấy tờ nhân thân của những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không có nhu cầu nhận lại nên lưu theo hồ sơ vụ án.

+ Đối với 01 điện thoại di động hiệu OPPO A33, màu trắng để liên lạc với người vay tiền; 01 xe máy nhãn hiệu Honda Wave RSX, màu sơn đỏ - đen, biển kiểm soát 17N3-4182 làm phương tiện đi lại để hoạt động cho vay và thu tiền góp hàng ngày; các vật chứng nói trên đã bị các cơ quan tiến hành tố tụng huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình thu giữ và xử lý trong một vụ án khác.

+ Số tiền gốc các bị cáo dùng để cho vay là 216.200.000 đồng, đây là phương tiện phạm tội nên áp dụng điểm b khoản 1 Điều 47 BLHS để truy thu sung công quỹ nhà nước. Theo đó, truy thu đối với bị cáo Phạm Đức A số tiền **178.088.679** đồng tiền gốc đã thu hồi từ người vay và truy thu từ những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan tổng số tiền **38.111.321** đồng mà họ chưa hoàn trả cho các bị cáo; cụ thể như sau: Chị Hồ Diệu L: **5.823.529** đồng, chị Lê Thị T: **9.214.286** đồng, anh Trần Thế D: **3.214.286** đồng, chị Lê Thị Kh: **3.642.857** đồng, chị Nguyễn Thị Tt: **2.596.154** đồng, anh Nguyễn Văn T: **8.571.429** đồng, chị Đinh Thị H: **5.048.780** đồng.

+ Khoản tiền lãi tương ứng 20%/năm là **4.168.971** đồng, tuy rằng trong mức cho phép nhưng là khoản tiền phát sinh từ việc phạm tội. Sau khi thu từ người vay, Văn Thế C đã nộp lại đầy đủ cho Phạm Đức A nên áp dụng điểm b khoản 1 Điều 47 BLHS truy thu đối với Phạm Đức A số tiền nói trên để sung công quỹ Nhà nước.

+ Về trách nhiệm dân sự: Những người vay đều không sử dụng khoản tiền vay vào mục đích bất hợp pháp. Phạm Đức A và Văn Thế Cg đã thu lợi bất chính tổng số tiền **57.492.170** đồng, gây thiệt hại về tài sản cho những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan nên các bị cáo có trách nhiệm liên đới bồi thường. Tuy nhiên, trên cơ sở phân hóa trách nhiệm của đồng phạm và quy định tại Điều 587 BLDS về bồi thường thiệt hại do nhiều người cùng gây ra, xác định: khi thu khoản tiền trên từ những người vay Văn Thế C đều nộp lại đầy đủ cho Phạm Đức A, bị cáo C không được hưởng lợi từ khoản tiền trên nên buộc bị cáo A phải trả lại cho những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan khoản tiền đã thu lợi bất chính. Cụ thể như sau:

Anh Trần Quốc H: **5.213.973** đồng; chị Lê Thị H: **3.097.808** đồng; chị Đinh Thị H: **1.360.013** đồng; anh Lê Hữu Q: **3.392.877** đồng; chị Trương Thị Hoa S: **3.392.877** đồng; chị Lê Thị Thúy V: **3.392.877** đồng; chị Trần Thị Thúy H: **3.392.877** đồng; chị Trần Thị É: **3.554.795** đồng; chị Phan Thị H: **3.392.877** đồng, **3.554.795** đồng (khoản vay đứng tên chị Trần Thị H), **1.696.438** đồng (khoản vay đứng tên anh Nguyễn T) và **1.696.438** đồng (khoản vay đứng tên anh Nguyễn Văn D) tổng là: **10.340.548** đồng; chị Nguyễn Thị T: **3.554.795** đồng; chị Hồ Diệu L: **4.627.639** đồng; anh Hoàng Minh A: **3.392.877** đồng; chị Phạm Thị Kim Thh: **4.452.055** đồng; chị Lê Thị Tt: **3.312.094** đồng; anh Trần Thế D: **484.697** đồng; chị Lê Thị Kh: **323.131** đồng; chị Nguyễn Thị T: **44.674** đồng; anh Nguyễn Văn T: **161.566** đồng.

Tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo thành khẩn khai báo, khai nhận toàn bộ hành vi

phạm tội của mình đúng như Cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố; không tranh luận, chỉ xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, lời nói sau cùng của bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Vĩnh Linh, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Linh, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Các bị cáo, bị hại và những người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa, những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có lý do và không có lý do tuy nhiên xét thấy việc vắng mặt của họ không ảnh hưởng đến việc xét xử vụ án nên căn cứ Điều 292 Bộ luật tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử quyết định vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[3] Về tội danh: Lợi dụng một số người dân gặp khó khăn cần có tiền gấp để giải quyết công việc, liên tục từ ngày 06/7/2019 đến ngày 05/10/2019, Phạm Đức A và Văn Thế C đã cho 20 người trên địa bàn huyện Vĩnh Linh vay tiền theo 27 hợp đồng mua bán điện thoại dưới hình thức vay trả góp, với tổng số tiền mà những người vay thực nhận là 216.200.000 đồng; mức lãi suất giao động từ 182,5%/năm đến 623,9% /năm, cao gấp 9,1 lần đến 31,1 lần so với mức lãi suất cao nhất (20% /năm) theo quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự; đã thu lợi bất chính **57.492.170 đồng**. Đối chiếu lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai trong quá trình điều tra, truy tố, phù hợp lời khai của các người liên quan và những người tham gia tố tụng khác, vật chứng thu giữ, cùng các tài liệu chứng cứ thu thập có trong hồ sơ vụ án nên có căn cứ xác định hành vi của các bị cáo đã cấu thành tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” quy định tại khoản 1 Điều 201 của Bộ luật hình sự.

[4] Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội. Hành vi này không những xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế trong lĩnh vực kinh doanh tiền tệ mà còn gây ra những thiệt hại về vật chất, trực tiếp gây thiệt hại cho người vay, làm cho người vay phải chịu mức lãi suất quá cao. Nhưng do nhu cầu sử dụng nên vẫn phải chấp nhận. Do vậy, cần phải xử phạt bị cáo thật nghiêm khắc mới có tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

Xét vai trò của các bị cáo trong vụ án: Đây là vụ án đồng phạm, nhưng là đồng phạm giản đơn. Bị cáo A giữ vai trò chính là người bỏ tiền ra cho vay, thu lãi cao và sử dụng số tiền thu lợi bất chính. C chỉ là người làm thuê, được trả lương, chứ không được hưởng lợi từ việc thu lời bất chính. Do vậy, A sẽ phải chịu trách nhiệm hình sự nặng hơn.

[5] Các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ, nhân thân của các bị cáo: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng, các bị cáo hiện đang bị tạm giam để xét xử ở một vụ án khác, ngoài ra bị cáo Văn Thế C có nhân thân xấu từng 03 lần bị công an Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội xử phạt hành chính nhưng bị cáo không lấy đó làm bài học để tu dưỡng bản thân

mà còn phạm tội mới ở hai địa bàn khác nhau nên cần có mức án phù hợp với vai trò của bị cáo. Tuy nhiên khi lượng hình cần xem xét, tại giai đoạn điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay các bị đã khai báo thần khẩn, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm s, i khoản 1 Điều 51 BLHS 2015. Ngoài ra bị cáo C còn được áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ đầu thú được quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS.

Từ những phân tích, đánh giá như trên, HĐXX xét thấy: Các bị cáo có nơi cư trú rõ ràng cần áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ đối với các bị cáo là tương xứng với tính chất, mức độ cũng như hậu quả mà các bị cáo đã gây ra. Các bị cáo do không có việc làm, thu nhập không ổn định nên miễn khấu trừ phần thu nhập. Bị cáo A phạm tội có tính chất vụ lợi, ngoài hình phạt chính, cần áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền. Đối với bị cáo Công là người làm thuê, không được hưởng lợi nên không áp dụng hình phạt bổ sung. Tuy nhiên, bị cáo A không có nghề nghiệp ổn định, không có thu nhập, lại bị truy thu số tiền tương đối lớn. Nếu áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền sẽ không có tính khả thi. Nên HĐXX không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền.

[6] Về biện pháp tư pháp: Theo quy định tại Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự, số tiền vay, số tiền lãi hợp pháp là công cụ, phương tiện phạm tội do đó cần tịch thu nộp ngân sách số tiền này. Trên cơ sở đó xác định số tiền tịch thu nộp ngân sách nhà nước và số tiền trả như sau:

Tổng số tiền gốc A đã bỏ ra cho vay là: **216.200.000** đồng. Trong đó:

- Số tiền gốc đã thu về **178.088.679** đồng và tiền lãi thu về là **4.168.971** đồng tổng là: **191.257.560 đồng**;

- Số tiền gốc người vay chưa trả (chưa phát sinh lãi): **38.111.321 đồng**.

Đối với số tiền gốc bị cáo đã thu về **178.088.679** đồng và số tiền lãi hợp pháp **4.168.971** đồng mà bị cáo đã được người vay trả; HĐXX xác định đây là số tiền mà bị cáo sử dụng làm phương tiện phạm tội. Nên cần truy thu số tiền này của bị cáo để sung công quỹ Nhà nước.

Đối với số tiền gốc người vay chưa trả là: **38.111.321 đồng**. Cần được truy thu từ những người vay cụ thể:

+Chị Hồ Diệu L: **5.823.529** đồng; Chị Lê Thị Tt: **9.214.286** đồng. Anh Trần Thế D: **3.214.286** đồng; Chị Lê Thị Kh: **3.642.857** đồng; Chị Nguyễn Thị T: **2.596.154** đồng; Anh Nguyễn Văn T: **8.571.429** đồng và Chị Đinh Thị H: **5.048.780** đồng.

Đối với số tiền lãi bất hợp pháp bị cáo A đã thu của người vay, đã gây thiệt hại cho họ. Về trách nhiệm dân sự thì cần buộc bị cáo Phạm Đức A phải trả cho họ số tiền này, tổng số tiền là **57.492.170** đồng cụ thể:

+ Anh Trần Quốc H: **5.213.973** đồng; Chị Lê Thị H: **3.097.808** đồng; Chị Đinh Thị H: **1.360.013** đồng; Anh Lê Hữu Q: **3.392.877** đồng; Chị Trương Thị Hoa S: **3.392.877** đồng; Chị Lê Thị Thúy V: **3.392.877** đồng; Chị Trần Thị Thúy H: **3.392.877** đồng; Chị Trần Thị É: **3.554.795** đồng; Chị Phan Thị H: **3.392.877** đồng, **3.554.795** đồng (khoản vay đứng tên chị Trần Thị H), **1.696.438** đồng (khoản vay đứng tên anh Nguyễn T) và **1.696.438** đồng (khoản vay đứng tên anh Nguyễn Văn D) tổng là: **10.340.548** đồng; Chị Nguyễn Thị T: **3.554.795** đồng; chị Hồ Diệu L: **4.627.639** đồng; Anh Hoàng Minh A **3.392.877** đồng; Chị Phạm Thị Kim Th: **4.452.055** đồng; Chị Lê Thị T: **3.312.094** đồng; Anh Trần Thế D: **484.697** đồng; Chị Lê Thị Kh: **323.131** đồng; Chị Nguyễn Thị T: **44.674** đồng; Anh Nguyễn Văn T: **161.566** đồng.

[7] Về xử lý vật chứng vụ án:

Quá trình điều tra, cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện Vĩnh Linh đã nhận bàn giao theo Quyết định xử lý vật chứng số 01/CSĐT ngày 03/01/2020 của cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình gồm các vật chứng sau:

- 27 (hai mươi bảy) bộ hồ sơ hợp đồng mua bán và giấy vay tiền, có chữ ký xác nhận của Phạm Đức A (gồm 27 hợp đồng và các giấy tờ nhân thân của những người vay tiền)

- 10 (mười) tờ giấy cho vay tiền, nội dung trên giấy “Cho vay tiền cần: CMT + Hộ khẩu phôtô 0976639051”, có chữ ký xác nhận của Phạm Đức A.

Các vật chứng trên được đưa vào hồ sơ vụ án.

- 01 (một) quyển sổ bìa nhiều màu sắc, kích thước 17cm x 24cm, bên trong có 22 tờ giấy có chữ số, chữ viết, có chữ ký xác nhận của Phạm Đức Anh trên các trang giấy đó.

- 01 (một) sổ hộ khẩu số 510216647, mang tên chủ hộ: Trần Thị H ở khóm Hải Tình, TT. Hồ Xá, Vĩnh Linh, Quảng Trị.

- 01 (một) sổ hộ khẩu số 510217702 mang tên chủ hộ Nguyễn Thị T ở thôn Phúc Lâm, Vĩnh Long, Vĩnh Linh, Quảng Trị.

- 01 (một) sổ hộ khẩu số 510195815 mang tên chủ hộ Trần Thị H ở thôn Cây Si, Vĩnh Long, Vĩnh Linh, Quảng Trị.

- 01 (một) sổ hộ khẩu số 510204032 mang tên chủ hộ là Lê Thị Kh ở thôn Sa Bắc, Vĩnh Long, Vĩnh Linh, Quảng Trị.

- 01 (một) sổ hộ khẩu số 510020804 mang tên chủ hộ Trần Thị É ở Khóm 8, TT. Hồ Xá, Vĩnh Linh, Quảng Trị.

- 01 (một) sổ hộ khẩu số 510160813 mang tên chủ hộ Nguyễn Văn D ở thôn Cây Sy, Vĩnh Long, Vĩnh Linh, Quảng Trị.

- 01 (một) sổ hộ khẩu số 510044294 mang tên chủ hộ Lê Thị Tt ở KP. An Hòa 2, TT. Cửa Tùng, Vĩnh Linh, Quảng Trị.

- 01 (một) giấy chứng minh nhân dân số 190884868 mang tên Phan Thị Hg trú tại Cây Sy, Vĩnh Long, Vĩnh Linh, Quảng Trị.

- 01 (một) giấy chứng minh nhân dân số 191179288 mang tên Lê Thị Kh trú tại TT. Hồ Xá, Vĩnh Linh, Quảng Trị.

- 01 (một) giấy chứng minh nhân dân số 197162259 mang tên Trần Thị H trú tại Cây Sy, Vĩnh Long, Vĩnh Linh, Quảng Trị.

- 01 (một) giấy chứng minh nhân dân số đã bị mờ mang tên Lê Thị T trú tại TT. Cửa Tùng, Vĩnh Linh, Quảng Trị.

- 01 (một) giấy chứng minh nhân dân số 197248414 mang tên Trần Thế D trú tại Hải Tình, TT. Hồ Xá, Vĩnh Linh, Quảng Trị.

- 01 (một) giấy chứng minh nhân dân số 197080709 mang tên Nguyễn Văn D trú tại Cây Si, Vĩnh Long, Vĩnh Linh, Quảng Trị.

- 01 (một) giấy phép lái xe số 451096000737 do Sở GTVT Quảng Trị cấp ngày 30/06/2016, mang tên Trần Thị Thúy L trú tại Vĩnh Hòa, Vĩnh Linh, Quảng Trị.

- 01 (một) thẻ hội viên hội nông dân Việt Nam mang tên Lê Hữu Q trú tại Thủy Tú 2, Vĩnh Tú, Vĩnh Linh, Quảng Trị.

- 01 (một) hợp đồng bảo hiểm nhân thọ PRUDENTIAL, mang tên Nguyễn Thị T, trú tại thôn Tây 3, Vĩnh Tú, Vĩnh Linh, Quảng Trị.

Các vật chứng trên được chuyển đến kho vật chứng của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Linh.

+Về các tài sản, giấy tờ còn đang tạm giữ Hội đồng xét xử xét thấy:

+ 10 (mười) tờ giấy cho vay tiền, nội dung trên giấy “Cho vay tiền cần: CMT+ Hộ khẩu photo 0976639051”; 27 hợp đồng vay, các giấy tờ nhân thân của những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không có nhu cầu nhận lại nên lưu theo hồ sơ vụ án.

- Các giấy tờ như Chứng minh nhân dân, Sổ hộ khẩu, giấy phép lái xe, thẻ hội viên hội nông dân Việt Nam, hợp đồng bảo hiểm nhân thọ PRUDENTIAL, 01 hợp đồng lao động và 01 quyết định về việc xếp ngạch và điều chỉnh lương cho anh Nguyễn Văn T (trú tại thôn Phúc Lâm, xã Vĩnh Long, huyện Vĩnh Linh, tỉnh Quảng Trị). 01 bản photo bản photo sổ hộ khẩu và 01 bản photo chứng minh nhân dân mang tên Nguyễn T cho anh Nguyễn T (trú tại khu phố An Du Nam 2, thị trấn Cửa Tùng, huyện Vĩnh Linh, tỉnh Quảng Trị). 01 bản photo chứng minh nhân dân mang tên Nguyễn Thị Tt và 01 bản photo Giấy chứng nhận hộ nghèo, hộ cần nghèo mang tên hộ Đinh Viết Th cho chị Nguyễn Thị T (Trú tại thôn Quảng Xá, Vĩnh Lâm, huyện Vĩnh Linh, Quảng Trị) là những giấy tờ của những người vay và của những người thân của những người đó đưa cho bị cáo cầm giữ, là những giấy tờ tùy thân thuộc sở hữu của họ nên căn cứ vào Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự trả lại cho chủ sở hữu.

Ngoài ra trong quá trình thực hiện hành vi phạm tội Phạm Đức A và Văn Thế C sử dụng 01 điện thoại di động hiệu OPPO A33, màu trắng để liên lạc với người vay tiền; 01 xe máy nhãn hiệu Honda Wave RSX, màu sơn đỏ - đen, biển kiểm soát 17N3-4182 làm phương tiện đi lại để hoạt động cho vay và thu tiền góp hàng ngày; hiện các vật chứng nói trên đã bị Cơ quan điều tra - Công an huyện Lệ Thủy thu giữ nên HĐXX không xem xét.

Quá trình điều tra, có hai người vay tiền là Trần Thị Thúy L và Lê Thị Minh H, hiện không có mặt tại địa phương, không rõ làm gì ở đâu nên không có căn cứ xác định khoản vay. Cơ quan điều tra tiếp tục điều tra xác minh để xem xét xử lý sau.

Trường hợp chị Phan Thị H trú tại thôn Tân Lập, Vĩnh Long, Vĩnh Linh, Quảng Trị đã sử dụng giấy tờ tùy thân của mình và 03 người thân khác trong gia đình (chị Trần Thị H, anh Nguyễn T và anh Nguyễn Văn D) để làm giấy tờ vay tiền. Toàn bộ những lần đều được Văn Thế C đồng ý và hướng dẫn cho viết “hợp đồng mua bán”, “giấy mua bán” lấy tên của người trên giấy tờ và chị H giả chữ ký của những người đó. Chị Trần Thị H, anh Nguyễn T và anh Nguyễn Văn D đều không biết và không có yêu cầu gì về việc chị H sử dụng giấy tờ cá nhân của họ vào việc vay tiền nên không xem xét.

Chị Huỳnh Xuân H có biết việc A và C hoạt động cho vay tiền, tuy nhiên cách thức hoạt động và lợi nhuận thu được của A và Công như thế nào thì chị H không rõ và không tham gia vào hoạt động cho vay lãi nặng của Phạm Đức A và Văn Thế C nên cơ quan cảnh sát Điều tra không xử lý.

[8] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định. Bị cáo A phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm trên số tiền lãi bất hợp pháp phải trả lại cho người vay (**57.492.170** đồng)

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 201; điểm s, i khoản 1 Điều 51; Điều 36; Điều 47, Điều 48 BLHS; khoản 2, khoản 3 Điều 106; Điều 136; Điều 331; Điều 333 BLTTHS; Điều 131, Điều 468 BLDS; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 Ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, riêng bị cáo Văn Thế C được áp dụng thêm khoản 2 Điều 51 BLHS xử:

1. Tuyên bố các bị cáo Phạm Đức A và Văn Thế C đều phạm tội: “Cho vay lãi

nặng trong giao dịch dân sự”

2. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Phạm Đức A **18** tháng cải tạo không giam giữ.
Xử phạt bị cáo Văn Thế C **12** tháng cải tạo không giam giữ

Thời gian áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ tính từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và có quyết định thi hành án của người có thẩm quyền theo quy định của Luật thi hành án Hình sự; Miễn áp dụng chế định khấu trừ thu nhập đối với các bị cáo trong thời gian thi hành cải tạo không giam giữ;

Giao bị cáo Phạm Đức Acho Ủy ban nhân dân phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội; Giao bị cáo Văn Thế C cho Ủy ban nhân dân phường phường Bồ Đề, quận Long Biên, thành phố Hà Nội; Để giám sát, giáo dục các bị cáo. Gia đình các bị cáo Phạm Đức Anh, Văn Thế Công có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp phường trong việc giám sát, giáo dục.

3. Về biện pháp tư pháp:

3.1 Buộc bị cáo Phạm Đức A phải nộp số tiền **191.257.560 đồng** (Một trăm chín mươi một triệu hai trăm năm mươi bảy nghìn năm trăm sáu mươi đồng) để sung vào ngân sách nhà nước.

3.2 Buộc bị cáo Phạm Đức A phải trả lại cho những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan tổng số tiền thu lời bất chính là **57.492.170 đồng** cụ thể:

- + Anh Trần Quốc H: **5.213.973 đồng**;
- + Chị Lê Thị H: **3.097.808 đồng**;
- + Chị Đinh Thị H: **1.360.013 đồng**;
- + Anh Lê Hữu Q: **3.392.877 đồng**;
- + Chị Trương Thị Hoa S: **3.392.877 đồng**;
- + Chị Lê Thị Thúy V: **3.392.877 đồng**;
- + Chị Trần Thị Thúy H: **3.392.877 đồng**;
- + Chị Trần Thị É: **3.554.795 đồng**;
- + Chị Phan Thị H: **3.392.877 đồng, 3.554.795 đồng** (khoản vay đứng tên chị Trần Thị H), **1.696.438 đồng** (khoản vay đứng tên anh Nguyễn T) và **1.696.438 đồng** (khoản vay đứng tên anh Nguyễn Văn D) tổng là: **10.340.548 đồng**;

- + Chị Nguyễn Thị T: **3.554.795 đồng**;
- + Anh Hồ Diệu L: **4.627.639 đồng**;
- + Anh Hoàng Minh A **3.392.877 đồng**;
- + Chị Phạm Thị Kim Th: **4.452.055 đồng**;
- + Chị Lê Thị : **3.312.094 đồng**;
- + Anh Trần Thế D: **484.697 đồng**;
- + Chị Lê Thị Kh: **323.131 đồng**;
- + Chị Nguyễn Thị T: **44.674 đồng**;
- + Anh Nguyễn Văn T: **161.566 đồng**.

3.3 Buộc những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan phải nộp tổng số tiền gốc chưa trả đủ cho bị cáo là **38.111.321 đồng** để sung vào ngân sách nhà nước cụ thể:

- +Chị Hồ Diệu L nộp **5.823.529 đồng**.
- +Chị Lê Thị Tt nộp **9.214.286 đồng**.
- +Anh Trần Thế D nộp **3.214.286 đồng**.
- + Chị Lê Thị Kh nộp **3.642.857 đồng**.
- +Chị Nguyễn Thị Tt nộp **2.596.154 đồng**.
- + Anh Nguyễn Văn T nộp **8.571.429 đồng**.
- + Chị Đinh Thị H nộp **5.048.780 đồng**.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật đối với số tiền nộp ngân sách nhà nước và kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

4. Về xử lý vật chứng: Tuyên trả lại:

- 01 (một) sổ hộ khẩu số 510217702 mang tên chủ hộ Nguyễn Thị T cho anh Nguyễn Văn T (Phúc Lâm, xã Vĩnh Long, Vĩnh Linh, Quảng Trị).

- 01 (một) sổ hộ khẩu số 510195815 mang tên chủ hộ Trần Thị H; 01 (một) giấy chứng minh nhân dân số 197162259 mang tên Trần Thị H cho chị Trần Thị H (Tân Lập, xã Vĩnh Long, Vĩnh Linh, Quảng Trị)

- 01 (một) sổ hộ khẩu số 510160813 mang tên chủ hộ Nguyễn Văn D và 01 (một) giấy chứng minh nhân dân số 197080709 mang tên Nguyễn Văn D cho ông Nguyễn Văn D (Tân Lập, xã Vĩnh Long, Vĩnh Linh, Quảng Trị)

- 01 (một) giấy chứng minh nhân dân số 190884868 mang tên Phan Thị H cho bà Phan Thị H (Tân Lập, xã Vĩnh Long, Vĩnh Linh, Quảng Trị)

- 01 (một) sổ hộ khẩu số 510204032 mang tên chủ hộ là Lê Thị Kh và (một) giấy chứng minh nhân dân số 191179288 mang tên Lê Thị Kh (trú tại thôn Sa Bắc, xã Vĩnh Long, huyện Vĩnh Linh, tỉnh Quảng Trị)

- 01 (một) sổ hộ khẩu số 510020804 mang tên chủ hộ Trần Thị É cho bà Trần Thị É (Khu phố Hòa phú, thị trấn Hồ Xá, huyện Vĩnh Linh, tỉnh Quảng Trị)

- 01 (một) sổ hộ khẩu số 510044294 mang tên chủ hộ Lê Thị T và 01 (một) giấy chứng minh nhân dân số đã bị mờ mang tên Lê Thị Tt cho chị Lê Thị Tuyết (trú tại khu phố An Hòa 2, thị trấn Cửa Tùng, huyện Vĩnh Linh, tỉnh Quảng Trị).

- 01 (một) giấy chứng minh nhân dân số 197248414 mang tên Trần Thế D; 01 (một) sổ hộ khẩu số 510216647, mang tên chủ hộ Trần Thị H cho anh Trần Thế D (trú tại khóm Hải Tình, thị trấn Hồ Xá, huyện Vĩnh Linh, tỉnh Quảng Trị).

- 01 (một) thẻ hội viên hội nông dân Việt Nam mang tên Lê Hữu Q cho anh Lê Hữu Qn (trú tại Thủy Tú 2, xã Vĩnh Tú, huyện Vĩnh Linh, tỉnh Quảng Trị).

- 01 (một) hợp đồng bảo hiểm nhân thọ PRUDENTIAL, mang tên Nguyễn Thị Tt cho chị Nguyễn Thị T (trú tại thôn Tây 3, Vĩnh Tú, Vĩnh Linh, Quảng Trị).

- 01 (một) giấy phép lái xe số 451096000737 do Sở GTVT Quảng Trị cấp ngày 30/06/2016, mang tên Trần Thị Thúy L cho chị Trần Thị Thúy L (trú tại xã Vĩnh Hòa, huyện Vĩnh Linh, tỉnh Quảng Trị).

Tịch thu tiêu hủy: 01 (một) quyển sổ bìa nhiều màu sắc, kích thước 17cm x 24cm, bên trong có 22 tờ giấy có chữ số, chữ viết, có chữ ký xác nhận của Phạm Đức A (là vật chứng vụ án không còn giá trị sử dụng).

Các loại giấy tờ trên có đặc điểm như biên bản giao nhận vật chứng ngày 20 tháng 4 năm 2020 giữa đại diện Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Linh và Công an huyện Vĩnh Linh, Quảng Trị.

5. Về án phí: Bị cáo Phạm Đức A phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và **2.874.609** đồng án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch. Tổng số tiền án phí bị cáo Phạm Đức A phải chịu là **3.074.609** đồng.

Bị cáo Văn Thế C phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

6. Quyền kháng cáo: Các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ

ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Trị;
- VKSND tỉnh Quảng Trị;
- VKSND h Vĩnh Linh;
- Công an h. Vĩnh Linh;
- THADS h. Vĩnh Linh;
- Sở tư pháp Quảng Trị;
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Hoàng Văn Chung